hǎo hàn

好汉

noun · true man, hero

Example Sentences

Tā shì tiáo hǎo hàn cóng bù tuì suō
他是条好汉，从不退缩。

He is a true man, never backing down.

Hǎo hàn bù tí dāng nián yǒng zhòng yào de shì xiàn zài
好汉不提当年勇，重要的是现在。

A true man doesn't boast about past glories; what matters is the present.

Trace each character, then write the word on your own.

好 好 好 好 好 好 好 好 好

汉 汉 汉 汉 汉 汉 汉 汉